

Số: 79/2011/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2011

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 12 tháng 7 năm 2006;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.

1. Điểm a khoản 1 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đơn đề nghị cấp phép bay bằng tiếng Việt và tiếng Anh (theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này).”

2. Khoản 2, khoản 3 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Chậm nhất 07 ngày làm việc, trước ngày dự kiến tổ chức thực hiện các chuyến bay, các tổ chức cá nhân nộp đơn đề nghị cấp phép bay đến Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu.

3. Chậm nhất 07 ngày làm việc, trước ngày dự kiến tổ chức thực hiện các chuyến bay, các tổ chức cá nhân nộp đơn đề nghị sửa đổi lại phép bay đến Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu.”

3. Khoản 1, khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu cấp phép tổ chức thực hiện các chuyến bay.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định xin sửa đổi phép bay đã cấp, Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu cấp phép điều chỉnh thực hiện các chuyến bay.”

4. Bãi bỏ điểm b và bổ cục lại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 9 thành điểm b và điểm c; bãi bỏ Mẫu số 1/ĐNCPB và Mẫu số 2/TLKTPB (ban hành kèm theo Nghị định số 36/2008/NĐ-CP).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

1. Khoản 3 Điều 42 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Thủ tục, hồ sơ trợ cấp khi dân quân tự vệ bị ốm, chết do Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở nơi quản lý cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ thụ lý, báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định. Thời hạn thụ lý hồ sơ của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của chủ doanh nghiệp (nơi không có Ban Chỉ huy quân sự) là 03 ngày làm việc; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện là 05 ngày làm việc; Ủy ban nhân dân cấp huyện là 05 ngày làm việc. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị trợ cấp của dân quân hoặc gia đình dân quân (nếu bị chết) phải có ý kiến và đóng dấu xác nhận của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Đơn đề nghị trợ cấp của tự vệ hoặc gia đình tự vệ (nếu bị chết) phải có ý kiến

và đóng dấu xác nhận của Ban Chỉ huy quân sự, nơi không có Ban Chỉ huy quân sự phải có ý kiến và đóng dấu xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của chủ doanh nghiệp;

b) Giấy xuất viện, đơn thuốc, hoá đơn thu tiền, phiếu xét nghiệm các loại;

c) Giấy báo tử hoặc giấy chứng tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.”

2. Khoản 2 Điều 45 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thủ tục, hồ sơ trợ cấp tai nạn đối với dân quân tự vệ chưa tham gia bảo hiểm xã hội do Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở nơi quản lý cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ thụ lý, báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định. Thời hạn thụ lý hồ sơ của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của chủ doanh nghiệp (nơi không có Ban Chỉ huy quân sự) là 03 ngày làm việc; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện là 05 ngày làm việc; Ủy ban nhân dân cấp huyện là 05 ngày làm việc. Hồ sơ gồm:

a) Biên bản điều tra tai nạn do Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Ban Chỉ huy quân sự Bộ, ngành trung ương lập hoặc cơ quan Công an lập trong trường hợp bị tai nạn trên đường đi và về. Biên bản phải ghi diễn biến vụ tai nạn, thương tích nạn nhân, mức độ thiệt hại, nguyên nhân xảy ra tai nạn, có chữ ký của đại diện đơn vị dân quân tự vệ. Trường hợp bị tai nạn trên tuyến đường đi và về, thì biên bản phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn;

b) Biên bản giám định y khoa hoặc bản sao kết luận giám định tỷ lệ thương tật của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp bị tai nạn trên đường đi, về đến nơi huấn luyện, làm nhiệm vụ (nếu có);

c) Giấy báo tử hoặc giấy chứng tử do cơ quan có thẩm quyền cấp;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.”

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 10 năm 2011.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b). *290*

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP BAY

Đính kèm theo Nghị định số 79/2011/NĐ-CP

ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP BAY

APPLICATION FORM FOR REQUEST OF FLIGHT AUTHORIZATION

Kính gửi/To:

Căn cứ Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ, Nghị định số XX/2011/NĐ-CP ngày DD/MM/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2008/NĐ-CP/Pursuant to Decree No.36/2008/NĐ-CP dated 28 March 2008 of the Government on the management of unmanned aircraft and ultra light Instrument, Decree No.XX/2011/NĐ-CP dated DD/MM/2011 of the Government on Revision and Supplement of Decree No.36/2008/NĐ-CP.

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép bay/Applicant

- Tên/Full name:

- Địa chỉ/Address:

- Quốc tịch/Nationality:

- Điện thoại, fax/Phone, fax:

Đề nghị Cục Tác chiến cấp phép hoạt động bay cho loại phương tiện bay sau đây/Request Department of Operations issue flight authorization for the aircraft or ultra light Instrument below:

2. Phương tiện bay/Aircrafts or ultra light Instrument:

- Loại phương tiện bay, tên gọi/Type of aircraft or ultra light Instrument, call sign:

- Nhà sản xuất/Manufacturer:

- Số xuất xưởng/Manufacturer's Serial Number:.....
 - Trọng lượng cất cánh tối đa/Aircraft maximum take - off weight (MTOW):.....
 - Năm sản xuất/Year of Delivery from the Manufacturer:.....
 - Số lượng và kiểu loại động cơ/Number and Designation of Engines:.....
 - Dấu hiệu đăng ký (nếu có)/Registration Mark (if possible):.....
 - Trang thiết bị thông tin hàng không, thiết bị dẫn đường, giám sát bay, thiết bị chụp ảnh/Avionics Equipment, type of communication, Navigation, Surveillance and camera:.....
 - Thuyết minh tính năng kỹ thuật hàng không, kích thước (rộng, dài, cao), độ cao bay tối đa, tốc độ bay tối đa, bán kính hoạt động, phương pháp điều khiển bay, thời gian hoạt động trên không, khả năng mang, treo/Performance specification, Dimension (width, length, height), Service Ceiling, Max Cruising Speed, Range with Max Fuel (no reserve), Way of Control, Endurance of Flight:.....
 - Các thông tin và tính năng kỹ thuật khác, trang bị khác/Additional Informations, Performace specification and Equipments:.....
3. Mục đích thực hiện bay/Purpose of flight:.....
4. Kích thước khu vực vùng trời tổ chức bay/Dimension of Airspace's Area for Flights:.....
5. Số ngày và thời gian tổ chức bay/Dates and Times for Day requested:
6. Sân bay (hoặc tên khu vực mặt đất, mặt nước) bảo đảm cho việc cất cánh, hạ cánh của tàu bay, phương tiện bay/Location or Name of Area of Land/Water for Take Off/Landing:.....
7. Sơ đồ bay/Flight Chart:.....
8. Tài liệu gửi kèm theo đơn/The below reference documents are attached:
- Ảnh chụp tàu bay, phương tiện bay (kích thước tối thiểu 18 x 24 cm)/Photo of Aircraft (dimenssion 18x24cm).
 - Bản thuyết minh kỹ thuật hàng không/Performance specifications.
-

Chúng tôi (Tôi) cam kết thực hiện đúng các quy định của phép bay, các quy định về bay, quản lý - điều hành bay trong vùng trời Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam/We (I) undertake to realize all Terms in the Flight Authorization, Rules of the Air and Air Traffic Management in Vietnamese Airspace and other stipulations of Vietnam.

Tôi cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin/I certify that all of the information above and attached to this request is true, correct and complete./.

Ngày/Date tháng/Month năm/Year

Người làm đơn/Applicant

(Ký tên, đóng dấu/Signature and stamp)